

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Duy B – Văn phòng luật sư D, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ; Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Bá S, sinh năm 1967.

2. Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ cư trú: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Ông Nguyễn T L, sinh năm 1964. Có mặt

4. Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn C, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị M: Ông Nguyễn T L, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

5. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1945.

6. Ông Lê Bá S, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Bà Lê Thị Quế A, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt

8. Bà Lê Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

9. Ông Lê Bá T, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Bá T, bà Phạm Thị C: Ông Nguyễn N, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

10. Ông Lê Quốc H, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

11. Bà Lê Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ trụ sở làm việc: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

13. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Q. Giám đốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

14. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Hoàng Việt P – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn A K - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt)

15. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng V – Chủ tịch. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

16. Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T – Trưởng phòng. Vắng mặt

17. Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H. Địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H – Trưởng văn phòng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T đơn khởi kiện, các lời khai tại tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T H, chị Nguyễn Thị N (cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn T L) trình bày:

Nguyên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 310m² tại thôn CL, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là thửa 97) được ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H chuyển nhượng cho ông Nguyễn T L và bà Trịnh Thị M vào ngày 03/02/2015, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng Công chứng số 1 công chứng cùng ngày 03/02/2015, đến ngày 11/3/2015 ông L và bà M được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh thành phố Q sang tên chủ sử dụng đất tại trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất có một ngôi nhà cấp IV của ông S, bà H, xung quanh thửa đất được rào lưới B40, chân gạch cao 40cm, trụ bê tông; hiện nay hàng rào cạnh phía Bắc và phía Tây không còn do ông C, ông L tháo dỡ.

Khi ông L, bà M nhận chuyển nhượng thì bị đơn không tranh chấp hay khiếu nại gì. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông L, bà M vẫn thường xuyên qua lại thăm nom, quản lý đất vì vợ chồng ông L, bà M có nhà cách thửa đất 97 khoảng 01 km.

Năm 2016, ông L, bà M làm thủ tục tách thửa 97 thành 03 thửa đất, gồm:

- Thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, diện tích 112,7 m² tại thôn CL, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là thửa 659); được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn T L và bà Trịnh Thị M ngày 06/9/2016. Ngày 23/3/2018 ông L, bà M làm hợp đồng tặng cho thửa 659 cho con gái là chị Nguyễn Thị N, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh thành phố Q sang tên chủ sử dụng đất tại trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị N vào ngày 04/5/2018.

- Thừa đất số 660, tờ bản đồ số 10, diện tích 100,3m² tại thôn CL, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là thửa 660); được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn T L và bà Trịnh Thị M ngày 06/9/2016. Ngày 23/3/2018, ông L, bà M làm hợp đồng tặng cho thửa 660 cho con gái là chị Nguyễn Thị T, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh thành phố Q sang tên chủ sử dụng đất tại trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị T vào ngày 04/5/2018.

- Thừa đất số 661 tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² tại thôn CL, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là thửa 661); được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn T L và bà Trịnh Thị M ngày 06/9/2016. Ngày 23/3/2018, ông L, bà M làm hợp đồng tặng cho thửa 660 cho con gái là chị Nguyễn Thị T H, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh thành phố Q sang tên chủ sử dụng đất tại trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị T H vào ngày 04/5/2018.

Khoảng cuối năm 2018, lợi dụng lúc nguyên đơn đi làm ăn xa, không trực tiếp quản lý đất, ông C, ông L đã tự ý đập dỡ ngôi nhà trên đất. Khi phát hiện sự việc ông L đã thay mặt các con gửi đơn yêu cầu chính quyền xã P giải quyết, trong thời gian chờ giải quyết ông C, ông L tiếp tục dựng trại (trụ bê tông, xà gồ, lợp tôn) để làm xưởng mộc, Ủy ban nhân dân xã P không giải quyết mà Ủy ban nhân dân xã trả lời miệng, đất đó Ủy ban nhân dân xã đã cưỡng chế giao đất cho ông S, nên giờ xã không giải quyết, chứ không có văn bản trả lời.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau: Buộc ông Lê Bá C và ông Lê Bá L phải tháo dỡ trại sản xuất làm đồ mộc (kết cấu cột gỗ, xung quanh rào kẽm gai, mái lợp tôn) trên các thửa đất số 659, 660, 661, cùng tờ bản đồ số 10, tại xã P, để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, tại xã P cho chị Nguyễn Thị T; trả lại quyền sử dụng thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, tại xã P cho chị Nguyễn Thị T H và trả lại quyền sử dụng thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, tại xã P cho chị Nguyễn Thị N, nguyên đơn không bồi hoàn giá trị các tài sản trên đất vì ông C, ông L đã làm trại mộc, trồng cây, dựng trụ kéo dây kẽm gai trái phép trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các nguyên đơn.

Đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý.

T đơn khởi kiện phản tố, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Bá C, ông Lê Bá L (cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Nam) trình bày:

Cha mẹ bị đơn là cụ Lê Bá T (chết năm 2018) và cụ Phạm Thị C, sinh được 08 người con là: Lê Bá C, Lê Bá L, Lê Thị Quế A, Lê Thị T, Lê Bá S, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T.

Các thửa đất số 559, 660, 661, cùng thuộc tờ bản đồ số 10 tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là của ông bà nội của các bị đơn (cố Lê T, cố Đỗ Thị X), trước đây đã được chế độ cũ cấp Chứng thư kiến điền thửa đất có số hiệu 130, tuy nhiên do chiến tranh nên hiện nay Chứng thư kiến điền này đã bị thất lạc. Năm 1967 cố T, cố X làm văn tự đoạn mại đất diện tích 01 sào 02 thước cho con gái là Lê Thị Ba và chồng là Phan H, có chứng thực của chế độ cũ. Cố T chết khoảng năm 1970 – 1972, nên cố X cùng con trai là cụ Lê Bá T tiếp tục lập văn tự đoạn mại đất 01 sào 07 thước thuộc thửa đất số hiệu 130 cho cụ Phan H, có văn bản chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N.

Sau 02 lần chuyển nhượng, thửa đất số hiệu 130 còn lại 01 sào 05 thước, cố T để lại cho cụ T quản lý, sử dụng. Năm 1983, cụ T kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, thửa đất 130 biến động thành thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, diện tích 750m² tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình sử dụng đất cụ T có thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Đến năm 1993, cụ T làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 93 nhưng không được cấp, lý do tại sao không được cấp thì bị đơn không biết.

Hiện nay bị đơn đang quản lý, sử dụng đối với 03 thửa đất tranh chấp nêu trên. Các thửa đất số 559, 660, 661 cùng thuộc tờ bản đồ số 10 tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là do ông nội để lại cho cha của bị đơn, nên đây là tài sản chung của những người thừa kế hợp pháp của cụ Lê Bá T. Do đó, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn thì đề nghị giao các thửa đất này lại cho cụ Phạm Thị C và các ông, bà Lê Bá C, Lê Bá L, Lê Thị Quế A, Lê Thị T, Lê Bá S, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T.

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 thì gia đình bị đơn không đồng ý với 02 quyết định nên đã nhiều lần khiếu nại đến các cấp cao hơn giải quyết nhưng chưa được giải quyết.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H trả lại toàn bộ diện tích của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, tại xã P cho cụ Phạm Thị C và các ông, bà Lê Bá C, Lê Bá L, Lê Thị Quế A, Lê Thị T, Lê Bá S, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T.

2. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/02/2015 của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, tại thôn CL, xã P, thành phố Q giữa ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M vô hiệu.

3. Tuyên hủy:

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M tặng cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 23/3/2018 đối với thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M tặng cho bà Nguyễn Thị T vào ngày 23/3/2018 đối với thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M tặng cho bà Nguyễn Thị T H vào ngày 23/3/2018 đối với thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Tuyên hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794945, sổ vào sổ CS 02767 của thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, diện tích 112,7m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho chị Nguyễn Thị N.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794944, sổ vào sổ CS 02766 của thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, diện tích 100,3m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho chị Nguyễn Thị T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794943, sổ vào sổ CS 02765 của thửa đất số 661 tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho chị Nguyễn Thị T H.

5. Tuyên hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và hủy quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H trình bày ý kiến:

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 310 m² tại thôn CL, xã P, thành phố Q có nguồn gốc là của cha ông S là cụ Lê Bá H (còn có tên khác là Lê H) mua của cố Tiêu Thị T. Cụ H trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất và làm nhà ở, xây dựng các vật kiến trúc khác và trồng cây trên diện tích đất từ năm 1957.

Năm 1978, cụ Lê Bá T đi kinh tế mới nhưng không thành công nên trở về địa phương không có nơi ăn chốn ở, nên cụ T mới xin cụ H ở nhờ. Cụ H đồng ý và cho cụ T ở nhờ phía sau thửa đất, còn cụ H ở phía trước thửa đất. Cụ T làm một nhà lá trên phần đất phía sau, đến khoảng năm 1987-1988 thì làm nhà kiên cố nhưng cụ H thống nhất cho luôn cụ T phần đất phía sau, nên không có ý kiến gì.

Năm 1992, cụ H bị tai biến, cuối năm 1995 ông S đưa cụ H vào tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chữa bệnh cho cụ H. Cụ H sống với ông S đến năm 2007 thì cụ H chết. Thời gian từ 1995 đến 2007 nhà đất của cụ H để trống, không có quản lý, sử dụng nhưng ông S thường xuyên về quét dọn nhà cửa và hương khói ông bà. Khi ông S về thì thấy gia đình cụ T tiếp tục lấn chiếm đất của cụ H, lấn đến gần mép nhà cụ H, trồng cây xanh trên vùng đất xung quanh căn nhà của cụ H, nên ông S được cụ H ủy quyền làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã P và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện T yêu cầu giải quyết việc tranh chấp đất giữa cụ H và gia đình cụ T. Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân huyện T đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành công. Sau đó ông S gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phân công Đoàn T tra của Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã P xác minh nguồn gốc của các thửa đất nêu trên. Sau khi có kết luận và có quyết định giải quyết tranh chấp đất của Ủy ban nhân dân huyện T, chính thức thửa đất là của cha ông S là cụ H, cụ H sử dụng phần đất phía trước, gia đình cụ T sử dụng phần đất phía sau. Ủy ban nhân dân huyện Tư nghĩa yêu cầu gia đình cụ Lê Bá T tháo dỡ cây xanh trả mặt bằng diện tích đất xung quanh ngôi nhà cho gia đình cụ H, nhưng gia đình cụ T không chấp hành. Ủy ban nhân dân huyện T phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P cưỡng chế giao đất cho gia đình ông S vào năm 2008. Sau khi cụ H chết, nhà cụ H để trống nhưng ông S vẫn thường xuyên đi về để trông nom đất đai, nhà cửa và hương khói cho ông, bà. Gia đình ông S đã thống nhất giao lại thửa đất 97 cho ông S quản lý, sử dụng nên ông S đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với số phát hành A1728096, sổ vào sổ H00345, thửa đất 719, tờ bản đồ số 1, xã P ngày 11/8/2008. Ngày 09/8/2010 ông Lê Bá S và bà Huỳnh Ngọc H có đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân

huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H số phát hành BH 716695, số vào sổ CH00695, cấp ngày 25/11/2011, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 313m², xã P, huyện T (nay là thành phố Q).

Ngày 03/02/2015, ông S, bà H lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, tại thôn CL, xã P, cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M.

Năm 2018, ông Lê Bá C, ông Lê Bá L tự ý tháo dỡ ngôi nhà cũ của cụ Lê Bá H và phá hàng rào ngăn cách làm trại mộc là không đúng quy định pháp luật.

Ông S, bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông S, bà H không thống nhất.

Ông S, bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông bà xuyên suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M trình bày:

Ông, bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã giải thích pháp luật dân sự về việc bị đơn có yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S, bà H với ông L, bà M, vô hiệu và trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 310 m² tại thôn CL, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 03/02/2015 giữa ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H với ông L, bà M vô hiệu, thì ông L, bà M có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu hay không; ông L, bà M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và bồi thường thiệt hại, nếu có. Ông L, bà M khẳng định nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C, ông L thì giữa ông L, bà M và ông S, bà H sẽ tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Phạm Thị C, bà Lê Thị T, ông Lê Bá S, ông Lê Bá T, ông Lê Quốc H, bà Lê Thị T trình bày:

Thống nhất với phần trình bày và yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L.

Các thửa đất số 659, 660, 661, cùng thuộc tờ bản đồ số 10, xã P là tài sản chung của những người kế thừa hợp pháp của cụ Lê Bá T. Do đó, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L thì đề nghị giao các thửa đất này cho cụ C và các con. Các ông bà xin được vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết và xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Quế A: Không có ý kiến trình bày: Bà Quế A có đơn xin vắng mặt đề ngày 25/12/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất và diễn biến vụ việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã nêu tại Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007, do vậy nay không có ý kiến về nội dung này.

Về nội dung phản tố của bị đơn ông Lê Bá C, ông Lê Bá L yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Bá T là không có cơ sở, bởi những lẽ sau:

Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền, hơn nữa qua rà soát nhiều lần khẳng định nội dung giải quyết tại Điều 1, 2 của Quyết định là đúng quy định của pháp luật.

T quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 (có hiệu lực lúc ban hành Quyết định giải quyết) thì Quyết định số 94/QĐ-UBND nêu trên có hiệu lực thi hành và thực tế đã được Ủy ban nhân dân huyện T tổ chức thi hành (cắm mốc thực địa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Hiện tại, Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chưa bị thay thế hoặc hủy bỏ. Đề nghị Tòa án nhân dân bác nội dung phản tố của bị đơn ông Lê Bá C, ông Lê Bá L.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 659, 660, 661, xã P, thành phố Q, được chỉnh lý sang tên cho chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T H, Nguyễn Thị N của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận. Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản trình bày ý kiến số 1825/UBND ngày 21/8/2020 và các văn bản khác như sau:

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Bá S với ông Lê Bá T ở xã P, huyện T (nay là xã P, thành phố Q) phát sinh từ năm 2004; vụ việc Ủy ban nhân dân huyện T đã giao Phòng Địa chính nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường), T tra huyện kiểm tra xác minh. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Bá S với ông Lê Bá T. Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền.

Ông T đã khiếu nại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 94/QĐ-

UBND ngày 18/01/2007, sau khi có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân huyện T đã ủy quyền cho Ủy ban nhân dân xã P tổ chức cưỡng chế giao đất và cắm mốc cho ông S, ông S cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện T công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với số phát hành A1728096, số vào sổ H00345, thửa đất 719, tờ bản đồ số 1, xã P ngày 11/8/2008. Ngày 09/8/2010 ông Lê Bá S và bà Huỳnh Ngọc H có đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H số phát hành BH 716695, số vào sổ CH00695, cấp ngày 25/11/2011, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 313m², xã P, huyện T (nay là thành phố Q). UBND huyện Tư nghĩa không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông L. UBND huyện Tư nghĩa đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi tại văn bản trình bày ý kiến số 469/STNMT-VPĐKĐ ngày 08/02/2021 và các văn bản khác như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 569, 660, 661, cùng tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q;

Ngày 11/8/2008, ông Lê Bá S và bà Huỳnh Ngọc H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành AL728096, số vào sổ H00345, thửa đất 719, tờ bản đồ số 01, diện tích 320m² ONT, xã P, huyện T (nay là thành phố Q). Năm 2010, ông Lê Bá S và bà Huỳnh Ngọc H nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận ngày 25/11/2011, số phát hành BH 716695, số vào sổ CH 00695 thửa 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 313m² ONT, xã P, huyện T (nay là thành phố Q).

Ngày 09/01/2015, bà H có đơn đề nghị điều chỉnh thông tin về số CMND của bà H có thay đổi từ số 211451107 thành số 271451107 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, chỉnh lý trên trang ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/01/2015.

Ngày 03/02/2015, ông Lê Bá S và bà H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M, ông L được phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực theo Hợp đồng số 535, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố chỉnh lý trên trang ba giấy chứng nhận. Năm 2016, ông L nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 03 giấy chứng nhận cùng ngày 06/9/2016. Thửa số 659, tờ bản đồ số 10, diện tích 112,7m² ONT số phát hành CD794945; thửa số 660, tờ bản đồ số 10, diện tích 100,3m² ONT, số phát hành CD794944; thửa 661 tờ bản bản đồ số 10, diện tích 100m², số phát hành CD 794943. Ngày

23/3/2018 ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M lập Hợp đồng tặng cho bà N, bà T, bà H quyền sử dụng đất; các hợp đồng tặng cho được Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc H chứng thực và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trên trang ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2018.

Quan điểm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L:

Ông Lê Bá C, ông Lê Bá L yêu cầu Tòa án hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa 659, 660, 661 cùng tờ bản đồ số 10, xã P, được chỉnh lý sang tên cho bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T H. Yêu cầu của ông Lê Bá C, Lê Bá L nêu trên là không có căn cứ vì trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp trước đây, năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị M và ông Nguyễn T L, năm 2018 Chi nhánh thành phố chỉnh lý sang tên cho bà N, bà T, bà H là đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 95, điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai. Từ những căn cứ trên Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận yêu cầu của ông C, ông L. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi có văn bản trình bày ý kiến số 115/PCCS1 ngày 23/12/2020 và các văn bản khác:

Ngày 03/02/2015 ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H và ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M đến Phòng công chứng số 1 yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q cho ông Nguyễn T L và bà Trịnh Thị M. Sau khi kiểm tra, Công chứng viên nhận thấy tất cả các giấy tờ nói trên đều hợp pháp, vì vậy công chứng viên đã tiến hành công chứng Hợp đồng. Việc Phòng công chứng số 1 công chứng hợp đồng chuyển nhượng là đúng quy định của pháp luật. Do công việc cơ quan nhiều, nên xin vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc H có văn bản trình bày:

Nguồn gốc thửa đất ông L, bà M nhận chuyển nhượng và được biến động cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016. Việc ông L, bà M yêu cầu công chứng các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận giao kết hợp đồng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật. Tại thời điểm văn phòng tiếp nhận yêu cầu

công chứng các hợp đồng tặng cho, văn phòng không phát hiện có thông tin ngăn chặn hoặc cản trở.

Trình tự, thủ tục chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M tặng cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 23/3/2018 đối với thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, xã P; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M tặng cho bà Nguyễn Thị T vào ngày 23/3/2018 đối với thửa đất số 660 tờ bản đồ số 10 tại xã P; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M tặng cho bà Nguyễn Thị T H vào ngày 23/3/2018 đối với thửa đất số 661 tờ bản đồ số 10 tại xã P là đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Lê Bá C, Lê Bá L yêu cầu Tòa án tuyên hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông L, bà M với chị N, chị H, chị T là không có căn cứ. Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng xin vắng mặt tại các phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q không có văn bản trình bày ý kiến, nhưng có đơn xin vắng mặt tại tất cả các giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định.

Căn cứ khoản 1, khoản 11 Điều 26, các Điều 34, 92, khoản 2 Điều 147, 157, 165, 192, 217, 200, 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 46, Điều 48, khoản 5 Điều 49, Điều 106, điểm a khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 167, 168 Luật đất đai năm 2013; các Điều 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 138, 163, 164, 247, 256, 425, 688, 689, 691 và Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 133, 165, 166 và Điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 160, 161, 162 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội; Nghị quyết 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T H.

1.1. Buộc ông Lê Bá C, ông Lê Bá L phải tháo dỡ, dỡ dọn, di dời các tài sản sau gồm: Chuồng gà có diện tích 5,9 m², mái hiên lợp tôn pơ-rô-xi-măng có diện tích 1,5 m², hàng rào móng đá có 05 trụ bê tông, kéo lưới B40 (điểm 1 đến điểm 2 và điểm 1 đến điểm 9) và chặt bỏ, di dời 15 cây Chuối lớn nhỏ, 03 cây

Xoài cho quả, 01 cây Mít cho quả, 01 cây Bưởi cho quả và 03 cây Bưởi chưa cho quả để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị N.

1.2. Buộc ông Lê Bá C, ông Lê Bá L phải tháo dỡ, dỡ dọn, di dời xưởng gỗ có diện tích 6,7m², chuồng gà có diện tích 11,3m², mái hiên lợp tôn pò-rô xi măng có diện tích 2,3m², xưởng gỗ diện tích 6,7m², hàng rào móng đá có 3 trụ bê tông, kéo lưới B40 từ điểm số 8 đến số 9 và chặt bỏ, di dời 01 cây Sanh trong chậu, 01 cây Sanh ngoài đất và 01 cây Sộp trồng trong bi giếng, 01 cây Bò đề, 02 cây Vạn tuế, 01 cây Mít chưa cho quả, để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị T.

1.3. Buộc ông Lê Bá C, ông Lê Bá L phải tháo dỡ, dỡ dọn, di dời xưởng gỗ có diện tích 66,5m²; hàng rào móng đá, có trụ bê tông, trụ cổng kéo lưới B40 (từ điểm 7 đến điểm 8) và 01 trang thờ; chặt bỏ, di dời 04 chậu cây Sanh, 01 cây Sanh ngoài đất, 01 chậu cây Đinh Lăng, 02 chậu Dứa cảnh, 01 cây khế, 01 cây Vú Sữa, 01 cây cau Sâm Banh, 01 cây Đu Đủ để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị T H.

(Các thửa đất 659, 660, 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q và các tài sản trên các thửa đất phải tháo dỡ, chặt bỏ, di dời có bản vẽ sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L về việc buộc ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H phải trả lại toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, xã P (bản đồ đo vẽ năm 2011) cho cụ Phạm Thị C và các ông, bà Lê Bá C, Lê Bá L, Lê Thị Quế A, Lê Thị T, Lê Bá S, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T.

3. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L về việc:

3.1. Tuyên hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và hủy quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 535, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/02/2015 được ký giữa ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H với ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M, được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực, đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vô hiệu.

3.3. Về việc tuyên hủy:

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 0932, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2018 được ký giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M với chị Nguyễn Thị N được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H

chứng thực, đối với thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 0934, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2018 được ký giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M với chị Nguyễn Thị T được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H chứng thực, đối với thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 0936, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2018 được ký giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M với chị Nguyễn Thị T H được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H chứng thực, đối với thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Về việc tuyên hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794945, số vào sổ CS 02767 của thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, diện tích 112,7m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị N.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794944, số vào sổ CS 02766 của thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, diện tích 100,3m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794943, số vào sổ CS 02765 của thửa đất số 661 tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị T H.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định các ông bà; Lê Bá C, Lê Bá L, Phạm Thị C, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không hoà giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của ông H, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm ông Lê Quốc H và bà Lê Thị T vắng mặt. Đây là phiên toà lần thứ hai được mở các đương sự đã nhận được giấy triệu tập, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của ông H, bà T.

[2] Xét đơn kháng cáo của các ông bà Lê Bá C, Lê Bá L, Phạm Thị C và Lê Bá T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ bởi lẽ; Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ các đương sự trong vụ án và đưa họ vào tham gia tố tụng để giải quyết quan hệ pháp luật là *“Tranh chấp đòi lại tài sản là QSD đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất vô hiệu và yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho QSD đất”*.

[2.2] Kháng cáo về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, diện tích 310 m² tại thôn CL, xã P, huyện T (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Tại Biên bản làm việc ngày 31/8/2006 (Bút lục 673, 674), Đơn khiếu nại quyền sử dụng đất ngày 23/01/2006 (Bút lục 677), cụ Lê Bá T trình bày cụ Lê Bá H làm nhà ở trên thửa đất tranh chấp trước năm 1967, nên đủ cơ sở xác định cụ H là cha ông S đã làm nhà ở tại thửa đất 97, tờ bản đồ số 10, xã P từ trước năm 1967.

[2.2.2] Tại Biên bản làm việc ngày 11/10/2006 với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (Bút lục 666), cụ Phan H (chết năm 2011) là con rể của cố Lê T và cố Đỗ Thị X trình bày: *“Tôi tên Phan H, 80 tuổi. Tôi với ông Lê Bá T có quan hệ là anh rể và em vợ, vợ tôi với ông Lê Bá H là con Bác ruột (ông H con nhà Bác). Từ năm 22 tuổi tôi đã làm rể và sống ở tại quê vợ (thôn Cổ Lũy, xã P), nên Tôi biết rõ nguồn gốc và diễn biến sử dụng đất, cụ thể như sau: Nguyên diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông T với ông H là một phần đất vườn của bà Tiêu Thị T (đã chết, là chị dâu của ông Lê Bá T, ông T là cha ông T). Vườn bà T bao gồm phần diện tích đất đang tranh chấp, phần diện tích bà X đã bán cho Tôi vào năm 1967 và phần diện tích ông T, bà X đứng tên bán cho*

Tôi vào năm 1976. Phần diện tích hiện nay đang có tranh chấp giữa ông T với ông H nguyên trước đây (trong thời pháp thuộc) có nhà bà Tiêu Thị T. Sau khi chồng bà T chết, đồng thời ông T cũng lập gia đình nên vợ chồng ông T ở chung với bà T. Trong thời gian bà T còn sống đã cho ông Lê Bá H làm nhà ở trên một phần thửa đất có tranh chấp (Phần phía Nam), phần diện tích phía Bắc ông T, bà T vẫn tiếp tục sử dụng. Sau khi bà T chết thì ông T, bà X dỡ dần nhà này chuyển về ở với ông T (Trên diện tích đất mẹ ông T đã bán cho tôi vào năm 1976) nhưng đất thì ông T vẫn tiếp tục sử dụng”. Như vậy, theo lời chứng của cụ Phan H thì thửa đất 130, là của cố Tiêu Thị T và cố T đã cho cụ H làm nhà ở trên diện tích thửa đất 97, tờ bản đồ số 10, xã P từ khi cố T còn sống, cố T chết năm 1963, nên nhà của cụ H phải được dựng trên thửa đất trước khi cố T chết.

[2.2.3] Ngoài ra, lời chứng của ông Huỳnh C, ông Phan T (Bút lục 697), ông Phạm Ngọc T (Bút lục 696), ông Phạm H (Bút lục 694), ông Nguyễn T (Bút lục 693), ông Nguyễn Tấn C (Bút lục 665) đều thống nhất khẳng định “nguồn gốc đất đang có tranh chấp giữa ông T với ông H là của bà Tiêu Thị T”.

[3] Tại Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất và nhà ở đề ngày 24/4/2000 của cụ Lê Bá H gửi Ủy ban nhân dân xã P, trong đó có nội dung: Ông Lê Bá T (là cha của ông C, ông L, chồng của cụ C) dỡ phá phía sau là chuồng heo, một xán nước cùng đào phá mất bức hè nhà trên và chung quanh nhà dưới của cụ...; đơn ngày 24/4/2000 có các nhân chứng là ông Nguyễn Tấn C, ông Nguyễn H, bà Trần Thị M, ông Cao Đ, ông Cao G, ông Phạm Ngọc T, ông Võ T X, ông Nguyễn Tấn T (Bút lục 727, 728). Ngoài ra, còn có xác nhận của các ông Phan K, Nguyễn T, Phan T, Phan C, Lê H, Nguyễn Văn B, Đặng Quốc H, Huỳnh C, Hồ C, Bùi C, Đặng T (Bút lục 721, 722) đều xác định căn nhà của cụ Lê Bá H được xây dựng từ năm 1957 trên phần diện tích đất tranh chấp, ông H ở từ đó đến nay. Qua xem xét Biên bản đo đạc thực địa có chữ ký của cụ T (Bút lục 709, 710).

[3.1] Việc thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước thì cả cụ H, cụ T đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho phần diện tích đất đang sử dụng có xác nhận của đội thuế xã P (Bút lục 663, 700); đồng thời, diện tích đất mà cụ T nộp thuế là 200m² từ năm 1996 đến năm 2006.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định cụ H đã quản lý, sử dụng ổn định liên tục diện tích đất tranh chấp từ năm 1957 cho đến khi phát sinh tranh chấp giữa cụ H (ủy quyền cho con trai là ông Lê Bá S) với cụ Lê Bá T vào năm 2000. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 160 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và khoản 1 Điều 247 Bộ luật dân sự năm 2005, quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời

hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...”. Do đó, cụ H có đủ quyền của người sử dụng đất đối với số thửa đất số 12, tờ bản đồ số 1 lập năm 1993, xã P, huyện T (năm 2008 biến động thành đất thửa số 719, năm 2011 là thửa 97, và hiện nay là thửa 659, 660, 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Về quá trình giải quyết tranh chấp đất giữa các bên.

[4.1] Năm 2000, được sự ủy quyền của cha là cụ H, ông Lê Bá S đã có đơn tranh chấp thửa đất số 12, tờ bản đồ số 1 lập năm 1993, xã P với cụ Lê Bá T; vụ việc tranh chấp được giải quyết từ Ủy ban nhân dân xã P nhưng không thành, nên được chuyển lên Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết.

Ngày 11/01/2006, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND với nội dung công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với ông Lê Bá S tại thửa đất thổ cư số hiệu 12/750, tờ bản đồ số 2, xã P, có diện tích 327m² (Giới cận: Bắc giáp với đất ông Lê Bá T; Nam giáp đường liên thôn; Đông giáp đường vào nhà ông Lê Bá T; Tây giáp đường vào nhà ông Phan Thành Trung).

[4.2] Không đồng ý với Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 23/01/2006 cụ T có Đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 18/01/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND, giải quyết khiếu nại của cụ T, tại Điều 1 có nội dung: Không công nhận việc ông Lê Bá T khiếu nại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lê Bá S với ông Lê Bá T.

[5] Thực hiện Công văn số 239/UBND-NC ngày 12/6/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Quyết định số 17/2008/QĐ-UB ngày 16/6/2008 về việc thành lập Hội đồng cưỡng chế đối với gia đình cụ Lê Bá T. Ngày 19/6/2008, Hội đồng cưỡng chế đã tiến hành giao mốc giới, diện tích đất tại thực địa theo Điều 3 tại Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Do cụ H vào tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ở với ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H nên ông C, ông L tái lần chiếm.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm ông C, ông L xác nhận năm 2018 nhà của cụ H bị sụp nên các ông đã dựng trại mộc, dựng trụ rào lưới, trồng cây...trên đất. Ngày 18/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản hiện có trên diện tích đất tranh chấp và xác định trên nền diện tích đất tranh chấp hiện nay còn phần móng của ngôi nhà cũ của cụ H. Như vậy, đủ căn cứ khẳng định, ông C, ông L đã tái lần chiếm để dựng trại mộc, dựng trụ rào lưới, trồng cây... Việc làm của ông C, ông L đã vi phạm pháp luật vì diện

tích đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện T chỉ đạo và Ủy ban nhân dân xã P đã tổ chức cưỡng chế, cắm mốc giao đất, cấp QSD đất cho cụ H (ông S) năm 2008 T quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật. Và đến năm 2018, các chị N, T, H đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp thông qua việc chỉnh lý đăng ký biến động sang tên chủ sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ, và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông C, ông L phải tháo dỡ tài sản để trả lại quyền sử dụng các thửa đất 659, 660, 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q cho các đồng nguyên đơn, đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay luật sư của bị đơn đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm và đưa ra 01 hình ảnh (chụp trên giấy) cho rằng trên đất có 02 ngôi mộ có người thân là Đặng M và Đặng N cùng ngụ tại thôn C xã P, tp Q. Hội đồng xét xử thấy rằng; chứng cứ nêu trên là không có căn cứ và không được chấp nhận bởi lẽ sau: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như trong đơn kháng cáo, phía bị đơn hoàn toàn không nêu nội dung như luật sư đã đưa ra. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện nhiều lần tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, thuê các cơ quan chức năng định giá tài sản trên đất đều không thể hiện trên đất có mộ như luật sư nêu ra. Tại hồ sơ vụ án bút lục từ 826 đến 854 bao gồm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2021 có chữ ký của bị đơn đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm còn chụp ảnh chi tiết những tài sản vật dụng trên đất tranh chấp đều thể hiện không có 02 ngôi mộ tồn tại trên đất như luật sư nêu ra.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm là không có căn cứ được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa có nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Án phí: Các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà Lê Thị T và của ông Lê Quốc H.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các ông bà; Lê Bá C, Lê Bá L, Phạm Thị C, Lê Bá T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ khoản 1, khoản 11 Điều 26, các Điều 34, 92, khoản 2 Điều 147, 157, 165, 192, 217, 200, 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 46, Điều 48, khoản 5 Điều 49, Điều 106, điểm a khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 167, 168 Luật đất đai năm 2013; các Điều 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 138, 163, 164, 247, 256, 425, 688, 689, 691 và Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 133, 165, 166 và Điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 160, 161, 162 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội; Nghị quyết 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T H.

1.1. Buộc ông Lê Bá C, ông Lê Bá L phải tháo dỡ, dỡ dọn, di dời các tài sản sau gồm: Chuồng gà có diện tích 5,9 m², mái hiên lợp tôn pơ-rô-xi-măng có diện tích 1,5 m², hàng rào móng đá có 05 trụ bê tông, kéo lưới B40 (điểm 1 đến điểm 2 và điểm 1 đến điểm 9) và chặt bỏ, di dời 15 cây Chuối lớn nhỏ, 03 cây Xoài cho quả, 01 cây Mít cho quả, 01 cây Bưởi cho quả và 03 cây Bưởi chưa cho quả để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị N.

1.2. Buộc ông Lê Bá C, ông Lê Bá L phải tháo dỡ, dỡ dọn, di dời xưởng gỗ có diện tích 6,7m², chuồng gà có diện tích 11,3m², mái hiên lợp tôn pơ-rô xi măng có diện tích 2,3m², xưởng gỗ diện tích 6,7m², hàng rào móng đá có 3 trụ bê tông, kéo lưới B40 từ điểm số 8 đến số 9 và chặt bỏ, di dời 01 cây Sanh trong chậu, 01 cây Sanh ngoài đất và 01 cây Sộp trồng trong bi giếng, 01 cây Bò đề, 02 cây Vụn tuế, 01 cây Mít chưa cho quả, để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị T.

1.3. Buộc ông Lê Bá C, ông Lê Bá L phải tháo dỡ, dỡ dọn, di dời xưởng gỗ có diện tích 66,5m²; hàng rào móng đá, có trụ bê tông, trụ cổng kéo lưới B40 (từ điểm 7 đến điểm 8) và 01 trang thờ; chặt bỏ, di dời 04 chậu cây Sanh, 01 cây Sanh ngoài đất, 01 chậu cây Đinh Lăng, 02 chậu Dừa cảnh, 01 cây khế, 01 cây Vú Sữa, 01 cây cau Sâm Banh, 01 cây Đu Đủ để trả lại quyền sử dụng thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị T H.

(Các thửa đất 659, 660, 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q và các tài sản trên các thửa đất phải tháo dỡ, chặt bỏ, di dời có bản vẽ sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L về việc buộc ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H phải trả lại toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, xã P (bản đồ đo vẽ năm 2011) cho cụ Phạm Thị C và các ông, bà Lê Bá C, Lê Bá L, Lê Thị Quế A, Lê Thị T, Lê Bá S, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T.

3. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của ông Lê Bá C, ông Lê Bá L về việc:

3.1. Tuyên hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và hủy quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 535, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/02/2015 được ký giữa ông Lê Bá S, bà Huỳnh Ngọc H với ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M, được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực, đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vô hiệu.

3.3. Về việc tuyên hủy:

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 0932, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2018 được ký giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M với chị Nguyễn Thị N được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H chứng thực, đối với thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 0934, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2018 được ký giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M với chị Nguyễn Thị T được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H chứng thực, đối với thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 0936, quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/3/2018 được ký giữa ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M với chị Nguyễn Thị T H được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc H chứng thực, đối với thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Về việc tuyên hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794945, số vào sổ CS 02767 của thửa đất số 659, tờ bản đồ số 10, diện tích 112,7m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị N.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794944, số vào sổ CS 02766 của thửa đất số 660, tờ bản đồ số 10, diện tích 100,3m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 794943, số vào sổ CS 02765 của thửa đất số 661, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² tại xã P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn T L, bà Trịnh Thị M; được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị T H.

4. Về án phí phúc thẩm: Các ông, bà: Lê Bá C, Lê Bá L, Phạm Thị C, Lê Bá T, Lê Quốc H, Lê Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm: Số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu tiền số: 0002284, 0002285, 0002287, 0002289 ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Sung quỹ Nhà nước số tiền ông Lê Quốc H và bà Lê Thị T đã nộp tạm ứng án phí. T các biên lai số 0002286 và 0002288 ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành